

Bản án số: 48/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23-4-2021

V/v: “ Tranh chấp về ly hôn ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Ngọc Lợi

2. Ông Hà Bửu Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên

Tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 572/2020/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 12 năm 2020, về việc: “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Châu Hồng T, sinh năm: 1998 (có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: anh Nguyễn Văn Th, sinh năm: 1998 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Châu Hồng T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Th tự tìm hiểu quen biết trước và được gia đình cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2019, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn vào ngày 15/7/2019. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng được một thời gian thì mâu thuẫn bắt đầu phát sinh. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi

nhau trong vấn đề tiền bạc. Từ đó, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, đã tìm biện pháp hàn gắn nhưng không mang lại kết quả. Chị và anh Th đã ly thân nhau từ tháng 7 năm 2020 cho đến nay. Nay xét thấy hôn nhân không hạnh phúc, chị yêu cầu ly hôn với anh Th. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Th không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị Châu Hồng T

Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự được thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân của chị T và anh Th là hợp pháp do có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện G chứng nhận kết hôn. Chị T cho rằng cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng thương xuyên cự cãi về vấn đề tiền bạc và đã ly thân nhau từ tháng 7 năm 2020 cho đến nay. Nên có căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu ly hôn anh Th là có cơ sở, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho chị T được ly hôn anh Th.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên đề nghị miễn xét.

Về án phí, buộc chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: chị Châu Hồng T khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Văn Th nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và anh Nguyễn Văn Th có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Chị Châu Hồng T và anh Nguyễn Văn Th với tư cách là nguyên đơn và bị đơn trong vụ kiện, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, anh Th cũng biết được thông tin chị T khởi kiện đơn phương xin ly hôn tại Tòa án nhưng anh Th vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Vì vậy, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt anh Th

[2] Về nội dung:

[2.1] Hôn nhân giữa chị Châu Hồng T và anh Nguyễn Văn Th được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Theo chị T trình bày, thời gian đầu vợ chồng chung sống cũng hạnh phúc nhưng được vài năm thì mâu thuẫn phát sinh, vợ chồng thường xuyên cự cãi về vấn đề tiền bạc chi tiêu trong gia đình. Từ đó, tình cảm vợ chồng rạn nứt. Chị và anh Th cũng đã tìm cách hàn gắn nhưng không mang lại kết quả. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự: *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”*. Nhưng anh Th không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của chị T. Hội đồng xét xử xét thấy, kể từ khi chị T khởi kiện xin ly hôn, anh Th không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng, chứng tỏ rằng anh Th và chị T đã không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Đây là căn cứ để xác định mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài và mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng nên chị T yêu cầu ly hôn với anh Th là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị T.

[2.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: chị T xác định không có và anh Th cũng không có ý kiến phản đối hay yêu cầu phản tố gì nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 - Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, Khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Án phí ly hôn sơ thẩm chị T phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005759 ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm nên không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 14, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Châu Hồng T được ly hôn anh Nguyễn Văn Th.

2. Về án phí: Buộc chị Châu Hồng T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005759 ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu..

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa